

TỊNH ĐỘ LUẬN

QUYỂN TRUNG

CHƯƠNG IV

Nêu đạo lý: Gồm hai phần:

- Nương đạo lý gì được vãng sinh Tịnh độ.
- Hỏi đáp phân biệt để giải thích những điều vấn nạn.

Nương đạo lý gì được vãng sinh Tịnh độ.

Hỏi: Phàm vì hạnh nghiệp có nhiều phức tạp nên phàm phu chẳng biết mối manh. Khổ vui hai đường sai khác, hàng Nhị thừa chưa đạt được cội nguồn. Còn luân hồi thì quanh quẩn sáu đường, được xuất thế thì tam thừa riêng lối. Nếu căn cứ nơi lý thì vạn pháp đều bình đẳng nhất như, còn đứng về giáo thì có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Nay cõi Tây phương Tịnh độ chính là do thệ nguyện rộng lớn của ngài Pháp Tạng tạo thành, đấng Pháp vương siêu việt các Thánh. Thế giới Cực lạc lấp lánh ngàn trân bảo, đấng Thánh chúa muôn đức tướng rõ ràng. Đối với nhân và độ này, các bậc Bồ-tát dưới thập địa đều chẳng thể thấy biết đặt chân, tuy kinh luận có nói tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, nhưng e rằng đó là lời bịp thời ý. Nay nương đạo lý gì phán định tất cả chúng sinh đều được vãng sinh? Điều này khiến người đạo, kẻ tục đều nghi, mong được nghe Ngài khai mở ý chỉ.

Đáp: Chỉ vì Thánh giáo phạm vi rộng rãi nên thật khó cứu xét, hạnh nghiệp buộc chặt ai có thể nghiên tầm? Nay tôi lại kiểm xem Thánh giáo, cứu xét đạo lý khiến con đường vãng sinh được rõ ràng như thấy vật trong lòng bàn tay. Như Nhiếp Đại thừa luận nói: Phàm muốn chứng minh ắt phải nhờ đến hai giáo môn kinh và luận. A-tỳ-đạt-ma lấy lý làm thù thắng, còn Tu-đa-la thì lấy giáo làm chính. Trong giáo ắt có lý, lý ắt thuận giáo. Nay hãy xét lý, sau mới dẫn giáo. Đối với việc xét lý thì khi xem kinh tạng thấy trong đó có ẩn, hiển hai thuyết, nghĩa là kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa thì rõ ràng không phá, còn đối với kinh bất liễu nghĩa, trải qua các thời Đức Phật thuyết pháp cho đến trên hội Niết-bàn, các kinh này đều được dẫn ra

nhưng chưa quyết định phá. Duy một giáo môn Tịnh độ là không bị liệt vào những quan điểm bị phá, nên biết kinh này là kinh liễu nghĩa vậy. Lại các vị Bồ-tát tạo luận là để giải thích kinh Phật, đối với kinh bất liễu nghĩa thì phá, còn kinh liễu nghĩa thì các ngài tán thán. Một giáo môn Tịnh độ này ở trong các bộ luận, các vị Bồ-tát đều tán thán mà không phá điểm nào, thế thì nên biết kinh này là kinh liễu nghĩa vậy.

Hỏi: Như Nhiếp Đại thừa luận giải thích là biệt thời ý, há chẳng phải là phá ư?

Đáp: Những điều mà luận kia nói rõ là có biệt thời và có chẳng biệt thời. Như chỉ có phát nguyện thôi tức là biệt thời, còn hạnh nguyện đều tu thì chẳng phải là biệt thời. Nếu Bồ-tát Thiên Thân phán là biệt thời ý, thì vì sao đoạn văn phần sau trong Nhiếp luận nói về việc đem công đức tạo luận hồi hướng cho chúng sinh, nguyện vãng sinh Tịnh độ? Vì sao ngài trước tác vãng sinh luận khuyên người ta vãng sinh? Lại nữa, như kinh Quán dạy phải khởi ý nguyện cầu vãng sinh, là do chuyện bà Vi-đề-hy sinh A-xà-thế, người con tạo tội ngũ nghịch, nhân đó nhàm chán thế gian đầy ngũ trước mà nguyện sinh về Cực-lạc, Đức Phật vì nhân duyên đó bèn nói ba phước tịnh nghiệp và mười sáu pháp quán khuyên chúng sinh cầu vãng sinh. Cho đến kẻ tạo tội thập ác, ngũ nghịch, hết thấy đều khuyên vãng sinh, đó là ý nguyện của giáo chủ cõi Tịnh độ. Thế nên thân ở thế gian ngũ trước, lại sinh con ngỗ nghịch, mà Phật cũng bảo là đều được vãng sinh, vậy nên biết rằng phàm phu hiện ở trong thế gian ngũ trước, cũng đều được vãng sinh. Lý này đã rõ ràng vậy.

Hỏi: Bà Vi-đề-hy là đại Bồ-tát, vì muốn hóa độ chúng sinh mà thị hiện thọ nữ thân, sinh nghịch tử, há thật là phàm phu ư?

Đáp: Dầu bà thật là Bồ-tát thị hiện thọ thân nữ hóa độ chúng sinh, thì ắt phải ẩn thật đức của mình, thị hiện giống như phàm phu để nhiếp hóa đồng loại, như năm trăm thị nữ của bà cũng được Phật huyền ký là được vãng sinh, và vị lai, tất cả nữ nhân, nam tử dù là hạn phàm phu cũng vãng sinh. Như các vị Bồ-tát, hoặc hiện thân địa ngục để dẫn dắt chúng sinh trong địa ngục, như trong kinh Phương Đẳng có Bà Tẩu tiên nhân... Hoặc hiện thân súc sinh để dẫn dắt chúng sinh trong đường súc sinh, như các con ong chúa, ngỗng chúa, kiến chúa trong kinh Niết-bàn. Hoặc hiện thân làm người tạo tội ngũ nghịch để dẫn dắt chúng sinh ngũ nghịch như vua A-xà-thế, Đề-bà đạt-đa... Những vị này đều thuộc Bồ-tát năng hóa là giả hiện còn chúng sinh sở hóa là thật. Như bà Vi-đề-hy thị hiện làm thân phàm phu trong hiện tại ở thế gian ngũ trước, phải

biết như thế là để dẫn dắt phàm phu trong thế gian ngũ trước được vãng sinh Cực lạc. Nên kinh Quán nói: Đức Phật bảo bà Vi-đề-hy rằng: Bà là phàm phu chưa được thiên nhãn không thể thấy xa, nhưng Như Lai có phương tiện thù thắng khiến bà được thấy. Lại nữa, nguyện đầu trong bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng, thì nguyện đầu tiên đều là vì tất cả phàm phu, sau kế mới vì các bậc Thánh tam thừa; cho nên phải biết tông ý của pháp môn Tịnh độ vốn là vì phàm phu, sau mới vì các Thánh nhân vậy. Lại nữa, như các vị Bồ-tát từ Thập giải trở lên lưu hoặc thọ sinh chốn ác đạo, nguyện cứu khổ chúng sinh mà không nguyện sinh về Tịnh độ, vì tùy ý vận dụng nghiệp lực của mình nên không bị đọa vào ác đạo. Cho nên phải biết rằng hàng phàm phu do chưa khỏi ác đạo nên phải nguyện sinh về Tịnh độ còn các vị Bồ-tát từ Thập giải trở lên không sợ sinh vào ác đạo nên các ngài không nguyện sinh về Tịnh độ. Vì vậy nên biết ý nguyện thiết lập Tịnh độ là vì phàm phu, chẳng phải vì Bồ-tát vậy.

Lại một môn Tịnh độ này trong các kinh, các luận đã nói rõ, nếu là lời bất liễu nghĩa thì vì sao chư Phật và các vị Bồ-tát khuyên dạy chúng sinh một cách ân cần như thế? Thậm chí mười phương chư Phật, nơi đâu các Ngài cũng đều xuất tướng lưỡi rộng dài để chứng minh những lời Đức Phật Thích-ca nói và khuyên dạy chúng sinh. Thế thì đây há là lời bất liễu nghĩa ư? Lại nữa, từ thời thượng cổ trở lại, các bậc đại đức danh tăng và các vị nho sĩ sáng suốt trong đời đều tu hạnh Tịnh độ, như pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, pháp sư Tăng Duệ, các ông Lưu Di Dân, Tạ Linh Vận, cho đến thời cận đại có thiền sư Đạo Xước, những vị này khi lâm chung đều cảm được đài sen rực rỡ, nhiều tướng lạ và Thánh chúng đến tiếp rước. Những việc này được chép ra từ những truyện riêng của các ngài. Các bậc Đại đức, trí nhân này đã ưa thích cõi Tịnh độ như thế, người tu đời sau chỉ cần noi theo các bậc minh triết tiền bối, chẳng nên nghi ngờ.

Lại trước có hỏi: Cõi Tịnh độ lấp lánh ngàn trân bảo, Đức Phật Di-đà muôn đức tướng rõ ràng, đối với nhân và độ này các bậc Bồ-tát dưới thập địa đều chẳng thể thấy biết đặt chân?

Đáp: Theo nghĩa này, nếu luận về Thật báo nhân độ thì đúng như điều ông đã hỏi, nhưng nếu là sự Tịnh độ và hóa Tịnh độ thì lý không phải như thế. Như sự độ báo thân thì đó là cõi mà các vị Bồ-tát từ thập địa trở lên thấy được, còn Tích thân hóa độ thì đó là cõi mà các vị Bồ-tát trước thập địa thấy biết đặt chân. Nếu cả hai chẳng phải là cảnh giới của các vị Bồ-tát dưới thập địa thì Thánh nhân không thể hóa độ chúng

sinh, còn chúng sinh sẽ mất phần chứng Thánh. Nếu đầy đủ hai nghĩa sau thì được vãng sinh:

1. Tất cả chúng sinh lấy việc tu hành làm nhân duyên.
 2. Lấy bốn nguyện của Đức Phật Di-đà làm tăng thượng duyên.
- Hai nghĩa này nếu đầy đủ thì được vãng sinh.

Cho nên Khởi Tín luận nói: Các pháp Phật có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Đã có các đạo lý như thế nên chúng sinh tu hành đều được vãng sinh vậy.

b. Hỏi, đáp phân biệt để giải thích những điều vấn nạn.

Hỏi: Chư Phật thuyết pháp tùy theo căn cơ chúng sinh, ý thú khó hiểu, nếu chẳng luận bàn giải thích thì ý chỉ u huyền khó thông. Như Thành Thật luận nói: Vì luận về kinh nên nghĩa kinh hiểu được dễ dàng. Cho nên, Bồ-tát Vô Trước âm thầm thấu triệt tâm Phật, tỏ rõ yếu chỉ các kinh, trình bày sơ lược nghĩa bốn ý, bốn ý, như đối với một pháp môn Tịnh độ, Ngài nêu ra biệt thời ý. Nay lại nói nếu chúng sinh niệm Phật tu hành thì được vãng sinh là nghĩa thế nào?

Đáp: Như luận kinh nói là biệt thời, còn các kinh khác nói chẳng phải biệt thời, há có thể đem nghĩa biệt thời vấn nạn nghĩa chẳng biệt thời ư?

Hỏi: Vì sao luận thì nói là biệt thời, còn các kinh khác lại nói chẳng phải là biệt thời?

Đáp: Vì luận kia chỉ căn cứ vào việc phát nguyện suông mà không bàn về việc tu hành, còn các kinh khác bàn cả việc tu hành nữa. Như trong kinh Phật nói nếu chúng sinh nào phát nguyện thì được vãng sinh, đó đều là lời biệt thời ý chứ không phải sinh ngay lập tức. Như tiểu kinh A-di-đà nói: “Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện sinh về cõi nước kia, thì người đó hoặc đã vãng sinh, hoặc nay vãng sinh, hoặc sẽ vãng sinh.” Các kinh nói như nguyện đều là lời biệt thời ý chứ không phải sinh ngay lập tức. Còn như các kinh Tịnh độ hoặc nói rõ ba phước tịnh nghiệp, mười sáu phép quán, hoặc dạy chúng sinh phát tâm Bồ-đề, bảy ngày niệm Phật, hoặc dạy phát nguyện hồi hướng, mười niệm vãng sinh, nếu tu hành theo lời dạy của các kinh này thì tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, tức chẳng phải biệt thời. Cho nên luận kia nói: Vì chỉ phát nguyện nên đó là biệt thời ý. Đã phát nguyện suông, lý là biệt thời vậy.

Hỏi: Như Vãng Sinh luận nói: Người nữ, người thiếu căn và hàng Nhị thừa không được vãng sinh, vì sao ở đây nói người nữ... ba hạng người này cũng được vãng sinh?

Đáp: Đúng vậy. Ba loại nghiệp chủng này theo lý thì không được vãng sinh. Nếu chúng sinh không thuộc ba loại nghiệp này thì nhất định vãng sinh. Ba loại nghiệp chủng là gì?

1. Người nữ: Trong cõi Sa-bà có nam lẫn nữ, vì gieo trồng nhân nữ nên quyết định chịu cảm quả nữ tướng, người này dầu có tu hạnh Tịnh độ cũng không được vãng sinh, vì trong cõi Tịnh độ không có người nữ. Nghiệp này là tịnh nghiệp không thể cải đổi, đây tức là nghiệp chướng.

2. Người thiếu căn: Nếu trong cõi này con người gieo trồng các nhân như đui điếc, câm, ngọng cũng không được vãng sinh, vì trong cõi Tịnh độ mọi người đều đủ ba mươi hai tướng đại tướng phu. Đây cũng là nghiệp chướng.

3. Nhị thừa: Nếu là bậc hữu học Nhị thừa và bậc trong Nhị thừa phương tiện đạo, vì những vị này gieo trồng định nhân Nhị thừa, không tin có Đại thừa và mười phương Tịnh độ, cũng không được vãng sinh. Vì những vị này là hàng ngu pháp Nhị thừa không tin có mười phương chư Phật và mười phương Tịnh độ nên không chịu phát nguyện hồi hướng vậy. Đây tức là hạng người quyết định Tiểu thừa, chướng ngại Đại thừa.

Nghiệp chủng mà luận kia nói là định nghiệp chủng, những vị nào không thuộc ba loại định nghiệp này thì đều được vãng sinh vậy.

Hỏi: Nếu ba loại định nghiệp kể trên của cõi này không được vãng sinh, thì vì sao trong kinh Quán lại nói: Người nào thọ trì năm giới... thì được vãng sinh, sinh về cõi kia nghe Đức Phật nói lý Tứ đế ngộ được quả A-la-hán... những vị này há chẳng phải là định chủng Tiểu thừa?

Đáp: Đây là hạng người chẳng ngu pháp tin có mười phương chư Phật, và vì cầu vãng sinh Tịnh độ mà phát nguyện hồi hướng mới được vãng sinh. Những vị này sau khi được chứng quả rồi, Đức Phật sẽ thuyết kinh Pháp Hoa cho họ nghe, để họ hồi tâm hướng về Đại thừa. Đây là văn của Luận Trí Độ. Còn như luận về bậc Vô học Nhị thừa thì bất luận là hàng ngu pháp hay không ngu pháp, tất cả đều được sinh về cõi Tịnh độ, vì những vị này chỉ thọ biến dịch sinh tử, không còn thọ sinh vào cõi nào trong tam giới nữa.

Hỏi: Ác nghiệp của chúng sinh tích chứa nhiều như núi, các ác nghiệp này chướng ngại việc vãng sinh Tịnh độ, vì vậy không thể dùng chút ít thiện căn để tiêu trừ ác nghiệp, thế thì vì sao kinh Quán nói rằng khi thọ mạng sắp hết chỉ cần niệm mười danh hiệu Phật thì được vãng sinh?

Đáp: Tâm là chủ của nghiệp, là gốc của việc dẫn sinh. Tâm lúc lâm chung cũng như con mắt, nó có thể dẫn tất cả các nghiệp. Nếu tâm lúc lâm chung là ác, thì nó có thể dẫn tất cả ác nghiệp sinh vào ác đạo, còn nếu tâm lúc lâm chung là thiện thì nó có thể dẫn tất cả thiện nghiệp sinh vào thiện đạo. Thí như rồng bay thì mây theo, tâm hướng về Tây phương Tịnh độ thì nghiệp cũng đi cùng. Đây là văn của các kinh luận.
 Hỏi: Như mười niệm mà kinh Di-lặc sở vấn nói: Chẳng phải là niệm của phàm phu mà là niệm đã gạn lọc kiết sử. Nay chúng sinh cõi này thể là phàm phu, kiết sử chưa đoạn thì làm sao niệm Phật mà được vãng sinh?

Đáp: Nếu như kinh kia nói không còn kiết sử mới được vãng sinh thì chỉ có Phật mới vãng sinh mà thôi, ngoài ra tất cả đều không thể, vì các bậc Bồ-tát sau thập địa cũng còn hai loại vô minh. Cho nên nay giải thích kinh kia rằng:

Niệm của phàm phu: nếu không phát tâm Bồ-đề mà cầu ra khỏi tam giới làm Phật, chỉ lo niệm Phật cầu sinh Tây phương, làm lợi cho riêng mình, tránh khổ tìm vui thì đây là phàm phu niệm, cũng không được vãng sinh. Thế nên ba hạng người vãng sinh mà kinh Vô Lượng Thọ nói đều phải phát tâm Bồ-đề.

Niệm không còn kiết sử xen tạp: Duy phải nhất tâm nối nhau quán tưởng tướng tốt của Phật. Nếu miệng niệm Phật mà tâm lại chạy theo ngũ dục thì đó là niệm còn kiết sử xen tạp. Niệm Phật tâm phải thuần tịnh, tâm này trái với tâm kiết sử, nếu được như thế thì việc niệm Phật đúng như kinh kia đã nói.

CHƯƠNG V

Dẫn Thánh Giáo Làm Chứng.

(Dẫn hai Giáo Kinh Luận)

Kinh, dẫn mười hai bộ:

1. Kinh Vô Lượng Thọ.
2. kinh Quán.
3. Kinh Tiển Di-đà.
4. Kinh Cổ Âm Thanh Vương.
5. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức.
6. Kinh Phát Giác Tịnh Tâm.
7. Kinh Đại Tập.
8. Kinh Thập Phương Vãng Sinh.
9. Kinh Dược Sư.

10. Kinh Ban Châu.
11. Kinh Đại A-di-đà.
12. Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác.

- Luận, dẫn bảy bộ:

1. Vãng Sinh luận.
2. Khởi Tín luận.
3. Thập trụ Tỳ-bà-sa luận.
4. Nhất thiết kinh trung Di-đà kệ.
5. Bảo Tánh luận.
6. Long Thọ Thập nhị lễ.
7. Nhiếp Đại thừa luận.

Hỏi: Như trên ngài đã nêu ra đạo lý, tôi đã biết được nguyện và hạnh giúp nhau mới được vãng sinh Tịnh độ, điều này chẳng phải là biệt thời ý, nhưng chưa biết có Thánh giáo nào để làm chứng chãng?

Đáp: Nay tôi sẽ dẫn hai giáo kinh luận làm chứng.

A. Dẫn kinh.

1. Kinh Vô Lượng Thọ.

Như kinh Vô Lượng Thọ quyển 1 nói về các lời nguyện của Đức Phật A-di-đà:

Sau khi tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, nếu các hàng trời người trong cõi nước tôi còn nghe đến tên bất thiện thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi nếu sau khi mạng chung lại đọa vào ba đường ác thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi nếu không trụ chánh định cho đến ngày diệt độ thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi thọ mạng không thể hạn lượng, trừ bốn nguyện của những vị đó muốn kéo dài hay thâu ngắn một cách tự tại, nếu không như thế thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương chí tâm tin ưa muốn sinh về nước tôi, niệm danh hiệu Phật đến mười lần, nếu chúng sinh đó không được vãng sinh thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi chánh giác, chỉ trừ những người tạo tội ngũ nghịch cùng phỉ báng Chánh pháp.

Sau khi tôi thành Phật, có chúng sinh nào trong mười phương phát tâm Bồ-đề tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi, khi sắp mạng chung, nếu tôi không cùng đại chúng hiện thân nhiều quanh trước người đó thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, có chúng sinh nào trong mười phương nghe danh hiệu tôi, luôn nhớ nghĩ đến nước tôi mà gieo trồng các công đức, chí tâm hồi hướng muốn vãng sinh, nếu chúng sinh đó không được toại nguyện thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, vô lượng chúng sinh trong các thế giới của chư Phật mười phương nếu nghe đến danh hiệu tôi mà không được vô sinh pháp nhẫn, các pháp Tổng trì sâu xa thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, nếu có người nữ nào trong vô lượng thế giới của chư Phật mười phương không thể nghĩ bàn nghe danh hiệu tôi, hoan hỷ tín mộ phát tâm Bồ-đề, nhằm chán thân nữ mà sau khi mạng chung còn sinh lại làm thân nữ nữa thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, những tịnh lạc mà các hàng trời người trong cõi nước tôi hưởng thụ nếu không như các vị Tỳ-kheo đã được lậu tận thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Giải thích: Theo văn bốn mươi tám đại nguyện này thì trong hầu hết các nguyện đều nói đến các hàng trời người, cho đến người nữ ở mười phương, mà không kể là các vị Bồ-tát bất thoái trở lên, còn những nguyện khác là vì các vị Bồ-tát; như thế đủ biết những nguyện trước là chính yếu, những nguyện sau là thứ yếu vậy.

Lại như kinh Vô Lượng Thọ quyển hai nói: Đức Phật bảo ngài Anan rằng: Nếu chúng sinh nào được sinh về nước kia thì hết thảy đều trụ chánh định. Vì sao?

Vì trong cõi nước của Đức Phật A-di-đà không có tên tà định và bất định. Hằng sa chư Phật, Như Lai trong mười phương đều cùng tán thán công đức oai thần không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Có chúng sinh nào nghe đến danh hiệu của Ngài, tín tâm hoan hỷ nhẫn đến một niệm chí thành hồi hướng nguyện sinh về nước kia liền được vãng sinh, đến địa vị bất thoái chuyển, chỉ trừ người tạo tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.

Đức Phật bảo Ngài Anan rằng: Các hàng trời, người v.v... trong mười phương thế giới những ai chí tâm nguyện sinh về nước kia thường có ba bậc: Sinh vào bậc thượng là những ai từ bỏ gia đình và thú vui

ngũ dục, làm bậc Sa-môn phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức nguyện sinh về nước kia. Những vị này lúc lâm chung, Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng đại chúng hiện ra trước mặt, liền theo Phật sinh về nước của Ngài, tự nhiên hóa sinh trong hoa thất bảo, trụ bất thoái chuyển, phước tuệ đồng mãn thân thông tự tại. Thế nên, này A-nan! Nếu chúng sinh nào muốn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ ngay trong đời này thì nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu các công đức nguyện sinh về nước ấy.

Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: Sinh vào bậc trung là dân chúng trời, người trong mười phương thế giới chí tâm nguyện sinh về nước kia, tuy không thể xuất gia làm bậc Sa-môn tu các công đức lớn, nhưng phải phát tâm vô thượng Bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Vô lượng Thọ, bao nhiêu công đức tu thiện như vâng giữ trai giới, xây tháp tạo tượng, cúng dường các thức ăn uống cho các vị Sa-môn, giăng lụa thắp đèn, rải hoa đốt hương đều đem hồi hướng nguyện sinh về nước ấy. Khi lâm chung, Đức Phật Vô lượng Thọ sẽ hóa thân có đầy đủ tướng tốt, quang minh rực rỡ như chân thân Phật cùng các đại chúng hiện ra trước mặt, vị đó liền theo Phật sinh về nước của Ngài, trụ bất thoái chuyển. Nhờ thắng duyên tu hành ở đây nên công đức trí tuệ mỗi ngày thêm lớn, về sau vị này sẽ được sinh vào bậc Thượng vậy.

Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: Sinh vào bậc hạ là dân chúng trời, người trong mười phương thế giới chí tâm muốn sinh về nước kia, giả sử không thể tạo các công đức cũng phải phát tâm vô thượng Bồ-đề, một lòng chuyên niệm hẳn đến niệm mười niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ để nguyện sinh về nước Ngài. Nếu khi nghe diệu pháp hoan hỷ tin ưa không sinh tâm nghi hoặc, hẳn đến niệm danh hiệu Đức Phật kia một niệm thành tâm nguyện sinh về nước kia, người này khi lâm chung trong mộng thấy Phật, cũng được vãng sinh. Về sau, công đức trí tuệ của vị này cũng được như người sinh vào bậc trung vậy.

2. Kinh Quán.

Như trong kinh Quán có đoạn nói: Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thái hậu Vi-đê-hy rằng: Bà nay có biết chăng? Cõi nước của Đức Phật A-di-đà cách đây không xa, bà nên để tâm xét kỹ tịnh nghiệp mà nước kia thành tựu. Ta nay sẽ nói rộng các thí dụ cho bà nghe, cũng khiến cho tất cả phàm phu đời vị lai, muốn tu tịnh nghiệp được sinh về cõi nước Cực lạc ở phương Tây. Những ai muốn sinh về nước kia phải tu ba loại phước nghiệp:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm Từ bi không sát

hại, tu mười nghiệp lành.

2. Thọ trì tam quy, giữ gìn giới luật đầy đủ, không sai phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến bảo người tu hành tinh tấn.

Ba việc như thế gọi là tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo Thái hậu Vi-đề-hy rằng: Bà nay có biết chăng? Ba loại nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại.

Đức Phật bảo ngài A-nan và Thái hậu Vi-đề-hy rằng: Hạ phẩm hạ sinh là các chúng sinh tạo nghiệp bất thiện như năm tội nghịch, mười điều ác, đủ các điều bất thiện; người ngu như thế vì tạo nghiệp ác nên phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người đó khi sắp mạng chung, gặp thiện tri thức an ủi đủ điều, thuyết diệu pháp cho nghe và dạy niệm Phật. Lúc ấy, bị khổ đau bức bách không kịp niệm Phật, được thiện hữu bảo rằng: “Ông nếu không thể niệm Phật thì phải xưng danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ”. Nếu chí tâm niệm đủ mười lần câu “Nam-mô Phật” không gián đoạn, thì trong mỗi niệm trừ được các tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung thấy hoa sen vàng rực rỡ như vầng thái dương ở trước mặt, trong khoảng một niệm liền được sinh về thế giới Cực lạc. Ở trong hoa sen, đủ mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, lúc đó Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi nói rộng thật tướng các pháp cho nghe để diệt trừ các tội. Nghe rồi hoan hỷ liền phát tâm Bồ-đề, như thế người đó được hạ phẩm hạ sinh. Đây là tướng vãng sinh của hạng người bậc hạ, cũng gọi là phép quán tưởng thứ mười sáu.

Giải thích: Căn cứ việc vãng sinh vào chín phẩm thì đều chia ba phẩm phân tịnh nghiệp đầu ra làm nhân chín phẩm, nhưng một người cũng chẳng phải tu đủ ba phẩm phước tịnh nghiệp mới được vãng sinh.

3. Kinh Tiểu Di-đà.

Kinh Tiểu Di-đà nói rằng: Nay Xá-lợi-phất! Chúng sinh nghe rồi nên phát nguyện sinh về nước kia. Vì sao? Vì được cùng tụ hội với các bậc thượng thiện như thế đồng một chỗ.

Nay Xá-lợi-phất! Không thể lấy chút ít thiện căn phước đức làm nhân duyên sinh về nước kia. Xá-lợi-phất! Nếu có người thiện nam, người thiện nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà rồi chấp trì danh hiệu Ngài hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày nhất tâm bất loạn thì người đó

khi sắp mạng chung, Đức Phật A-di-đà cùng Thánh chúng hiện ra trước mặt, người đó khi mạng chung tâm không điên đảo liền được sinh về cõi nước Cực lạc của Đức Phật A-di-đà. Nay Xá-lợi-phất! Ta thấy lợi ích như thế nên nói những lời này, nếu có chúng sinh nghe rồi nên phát nguyện sinh về cõi kia.

Giải thích: Theo kinh này, chút ít thiện căn là chỉ phát nguyện sông, còn thiện căn rộng lớn là bảy ngày niệm Phật. Nếu có thể trong bảy ngày niệm Phật đủ trăm vạn biến thì được vãng sinh vậy.

4. Kinh Cổ Âm Thanh Vương.

Kinh Cổ Âm Thanh Vương nói: Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Phật cùng tụ hội với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người tại ao Già Linh trong đại thành Chiêm-ba. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo rằng: “Nay ta sẽ nói rộng về thế giới An Lạc ở phương Tây cho các ông nghe, cõi đó hiện có Đức Phật hiệu là A-di-đà. Nếu tứ chúng có thể thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy thuần tịnh thì nhờ công đức này, lúc sắp mạng chung Đức Phật A-di-đà cùng đại chúng đến trước người đó để cho người đó thấy, khi thấy Phật rồi liền sinh tâm vui mừng, tăng trưởng công đức. Nhờ nhân duyên này, khi sinh ra nơi nào, người đó cũng vĩnh viễn lìa khỏi bào thai với hình hài ô uế chứa nhiều ham muốn, thuần tự hóa sinh trong hoa sen báu tịnh diệu, đủ đại thần thông quang minh rực rỡ.” Bấy giờ hằng sa chư Phật trong mười phương đều tán thán thế giới An Lạc, nơi mà Phật pháp không thể nghĩ bàn, thần thông hóa hiện đủ các phương tiện không thể nghĩ bàn. Nếu người nào có thể tin những việc như thế, phải biết người đó không thể nghĩ bàn, quả báu mà họ đạt được cũng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật A-di-đà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cùng tụ hội cùng với các vị Thanh văn. Cõi nước đó hiệu là Thanh thái, thành của Thánh vương ở dài rộng mười ngàn do-tuần, bên trong đông đủ các hàng người thuộc dòng Sát-đế-lợi. Đức Phật A-di-đà Như Lai Ứng cúng Chánh Biến tri có cha tên Nguyệt Thượng. Chuyển luân Thánh vương, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, con tên là Nguyệt Minh, các đệ tử phụng sự tên là Vô Cấu Xứng, đệ tử trí tuệ đệ nhất tên là Lãm Quang đệ tử thần thông đệ nhất tên là Đại Hóa. Bấy giờ Ma vương tên là Vô Thắng, còn Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Tịnh. Khi ấy, Phật A-di-đà câu hội với chúng đại Tỳ-kheo hai vạn người. Như có người thọ trì danh hiệu Đức Phật kia một cách kiên cố, nhớ niệm không quên thì trong mười ngày mười đêm sẽ trừ bỏ tán loạn. Tinh cần tu tập niệm Phật Tam-muội, biết Đức Như Lai kia thường ở thế giới An Lạc mà nhớ niệm tương tục, đừng

để dứt đoạn, đồng thời thọ trì đọc tụng kinh Cổ Âm Thanh Vương đại Đà-la-ni này mười ngày mười đêm, sáu thời chuyên tụng niệm, năm vóc sát đất kính lễ Đức Phật, giữ chánh niệm kiên cố thì tất cả tán loạn đều được tiêu trừ. Nếu có thể khiến tâm mỗi niệm mỗi niệm không dứt thì trong khoảng mười ngày ấy được thấy Đức Phật A-di-đà, thấy các Đức Như Lai trong mười phương thế giới và cõi nước của các Ngài, chỉ trừ người độn căn chướng nặng thì trong khoảng khắc hiện tại không thể thấy được. Nếu ai đem tất cả các việc thiện hồi hướng nguyện sinh về thế giới An Lạc thì lúc lâm chung Đức Phật A-di-đà cùng đại chúng hiện ra trước mặt an ủi khen ngợi người đó liền được vãng sinh.

Giải thích: Theo kinh này thì niệm Phật trong khoảng mười ngày sẽ thấy Đức Phật A-di-đà, không kể là lúc mạng chung.

5. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức.

Kinh Xưng Dương chư Phật công đức nói: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Từ đây về phương tây cách mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là An Lạc, trong cõi đó có Đức Phật hiệu A-di-đà Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự, Thiên nhân sư, Thế Tôn cứu độ vô lượng chúng sinh. Nếu có người nghe được danh hiệu Đức Như Lai Vô Lượng Thọ thì phải một lòng tín mộ thọ trì, phụng niệm, khởi tâm hoan hỷ vô lượng, an lập ý mình, hết lòng chân thành tin tưởng triệt để niệm Đức Như Lai với mười muôn ức tín tâm. Người đó sẽ được vô lượng phước báo, mãi mãi xa lìa khổ ách tam đồ, sau khi mạng chung sẽ được sinh về cõi nước của Ngài. Lúc thọ mạng sắp hết mà một lòng tín mộ, luôn nhớ niệm không quên, thì Đức Phật A-di-đà sẽ cùng các vị Tỳ-kheo đến trước người đó, vì thế các loài ma quỷ trọn không thể phá hoại tâm Đẳng chánh giác này được. Vì sao vậy? Bởi vì Đức Phật kia đã phát khởi tâm đại bi thế độ tất cả vô lượng chúng sinh đồng thời cũng hộ trì tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới. Nếu người nào sinh về thế giới An Lạc thì người đó sẽ được đầy đủ trí tuệ chánh giác của Như Lai.

Này Xá-lợi-phất! Do sức thế nguyện của Đức Phật Thế Tôn kia, nếu có người cầu thừa thứ hai thì khi sinh về thế giới của Ngài người đó sẽ đầy đủ các pháp của chư Phật Như Lai, đủ chánh giác phần, còn cầu Thanh văn thừa thì sẽ đắc quả A-la-hán ở cõi Phật đó. Nếu có người sinh về cõi Phật kia, theo sở nguyện của mình cầu Đại thừa hay Tiểu thừa thì hết thấy được đầy đủ. Nếu có người tâm tối hậu lúc lâm chung nghe được danh hiệu đức A-di-đà Như Lai và những lời tán thán, một lòng kính tin không có nghi ngờ, chí tâm nhớ nghĩ về Ngài như con thơ

nhớ cha mẹ, khởi ý như thế thì khi ở cõi Phật kia các nguyện vọng thấy đều đầy đủ. Còn những ai không tin công đức tán thán xưng dương danh hiệu Đức Phật A-di-đà lại hủy báng thì người đó trong năm kiếp phải đọa địa ngục, thọ đủ các khổ.

Giải thích: Theo kinh này, niệm Phật như con thơ nhớ cha mẹ mới được vãng sinh.

6. Kinh Phát Giác Tịnh Tâm.

Kinh Phát Giác Tịnh Tâm nói: Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai tán thán Đức Di-đà Như Lai và mười thứ phát tâm, trong đó tùy theo tâm phát nguyện, nếu muốn sinh về thế giới kia thì sẽ được vãng sinh. Mười phát tâm nguyện sinh về cõi kia là những gì?

Đức Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Mười phát tâm này chẳng phải là điều của hàng tiểu trí, đó là đại sự vậy. Mười phát tâm nguyện sinh về cõi của Đức Phật A-di-đà Như Lai là:

1. Vì tất cả chúng sinh mà phát tâm từ, không sinh sân hận. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi Phật A-di-đà Như Lai.

2. Vì tất cả chúng sinh mà phát tâm bi. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

3. Lìa tâm sát sinh, thọ trì chánh pháp. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

4. Thà bỏ thân mạng quyết không nhiễm trước tất cả các pháp. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

5. Phát tâm nhẫn nhục sâu xa, tu hành với lòng tin thanh tịnh. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

6. Không nhiễm danh thơm lợi dưỡng, tất cả tiền của vật báu. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

7. Vì tất cả chúng sinh mà sinh tâm quý kính, không có khinh chê. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

8. Không kinh hãi, không lo sợ, không nghe những lời lẽ phàm tình. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

9. Nhập Bồ-đề phần, đủ các thiện căn. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

10. Không rời niệm Phật. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia, xa lìa các tướng.

Này Di-lặc! Đối với mười tâm này, nếu các vị Bồ-tát đều phát tất cả mà giữ được một nguyện đầy đủ thì sẽ được sinh về cõi Phật A-di-đà; nếu như chẳng vãng sinh thì không có lẽ đó.

Giải thích: Mười tâm này chẳng phải là mười niệm trong kinh Quán. Mười tâm thì được phát lúc hiện tiền, còn mười niệm trong kinh Quán nói được phát nguyện lúc sắp mạng chung vậy.

7. Kinh Đại Tập.

Như kinh Đại Tập nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ rằng: “Trong đó, những pháp Tam-muội gì hay sinh các công đức như thế? Đó là, tư duy các pháp Tam-muội hiện tiền của chư Phật hay sinh các công đức như thế. Lại nữa, này Hiền Hộ, Bồ-tát tư duy các pháp Tam-muội hiện tiền của chư Phật như thế nào? Này Hiền Hộ, như có vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào trì giới thanh tịnh, các hạnh đầy đủ, ở một mình nơi thanh vắng, tư duy như sau: Đối với mọi nơi, tùy ở nơi nào, như nghe nói Đức Phật A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng chánh giác đang ở cõi Tây phương, bấy giờ liền phải khởi tưởng niệm như sau.

Như ta nghe, từ đây về phương Tây cách hơn trăm nghìn ức các cõi Phật có một thế giới tên là An Lạc, hiện Đức A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp giáo hóa đại chúng ở đó, được các vị Bồ-tát vây quanh. Thế rồi người này theo những điều được nghe, buộc niệm tư duy, quán sát rõ ràng không thôi cuối cùng cũng được thấy Đức Di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, này Hiền Hộ, ví như thế gian, có người nam, người nữ nào khi ngủ, chiêm bao thấy đủ các thứ như vàng, bạc châu báu, tiền của đầy kho; hoặc thấy bạn bè các bậc tri thức; hoặc có những điều khiến tâm không vui; tiếp xúc các cảnh hoặc trái hoặc thuận; hoặc vui hoặc buồn; có lúc nói năng hoan hỷ vui mừng, có lúc xúc cảm bi ai thống thiết. Người đó thức dậy tư duy nhớ nghĩ những gì đã thấy trong mộng rồi đem kể hết cho người khác nghe, đoạn theo đó lại sinh tâm nghĩ tưởng vui, buồn.

Cũng như thế, này Hiền Hộ, thiện nam tử, thiện nữ nhân kia liền ngồi ngay ngắn để tâm chuyên niệm, quán tưởng Đức A-di-đà Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác có tướng tốt như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế và sự thuyết pháp của Ngài như thế. Buộc niệm, nhất tâm tương tục, trước sau không loạn động, hoặc được một ngày, một đêm như thế, nhẫn đến bảy ngày bảy đêm, niệm tưởng đầy đủ, như ta đã nghe, thì người ấy ắt thấy Đức A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nếu ban ngày không thể thấy được thì về đêm, hoặc trong chiêm bao, Đức Phật A-di-đà ắt sẽ hiện ra cho thấy.

Giải thích: Theo kinh này, chỉ cần quán tưởng, niệm Phật suốt bảy ngày thì sẽ thấy Phật ngay trong hiện tại, chứ chẳng cần đợi đến

lúc mạng chung.

8. Kinh Vãng Sinh.

Như kinh Vãng Sinh nói: Đại Bồ-tát Phổ Quảng lại bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các quốc độ tịnh diệu của chư Phật trong mười phương có khác gì nhau không?”

Đức Phật bảo: “Này Phổ Quảng! Các cõi đó không có sai khác.”

Bồ-tát Phổ Quảng lại thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao trong kinh tán thán cõi nước của Đức Phật A-di-đà, trong cõi đó các hàng cây, cung điện, lầu gác đều được làm bằng bảy báu trang nghiêm nên chúng sinh nguyện sinh về đó, hết thấy tùy theo sở nguyện đều được vãng sinh?”

Đức Phật bảo Phổ Quảng đại Bồ-tát rằng: “Ông chưa rõ ý ta. Thế giới Sa-bà con người phần nhiều tham luyến, người có lòng tin, có chí nguyện thì ít, còn người học tập theo tà kiến thì nhiều, họ không tin chánh pháp, không thể chuyên tâm, hoạt động không có chí hướng. Các thế giới như Phật trong mười phương thật không có gì sai khác, vì muốn cho chúng sinh chuyên tâm một chỗ, nên tán thán cõi nước kia vậy. Những người cầu vãng sinh hết thấy đều tùy theo sở nguyện của mình, không ai không được kết quả.”

Giải thích: Theo kinh này, nếu người nào nhất tâm chuyên tưởng cảnh giới Tây phương thì được vãng sinh.

9. Kinh Dược Sư.

Như kinh Dược Sư nói: Đức Phật bảo rằng: “Như bốn hàng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện tín nam, thiện tín nữ thường tu ăn chay một tháng sáu ngày, một năm ba tháng trường trai, hoặc ngày đêm tinh cần nhất tâm khổ hạnh cầu nguyện vãng sinh cõi Tây phương của Đức Phật A-di-đà, nhớ niệm ngày đêm, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày hoặc bảy ngày, nếu trong những ngày đó lại sám hối, nghe ta giảng kinh Lưu ly Quang Phật bốn nguyện công đức này, thì đến khi thọ mạng hết, lúc lâm chung có tám vị Bồ-tát là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Bảo Đàn Hoa Bồ-tát, Vô Tận Ý Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát đều sẽ thân hành đến tiếp rước, tinh thần không bị rơi vào tám nạn, được sinh trong hoa sen, hưởng niềm vui thú với các loại âm nhạc tự nhiên.

Giải thích: Theo kinh này, bảy ngày niệm Phật lại thêm sám hối, đồng thời nghe danh hiệu Phật Dược Sư thì chóng được vãng sinh hơn.

10. Kinh Ban Châu.

Kinh Ban Châu nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-hòa rằng:

“Chúng sinh trong cõi này phải luôn luôn tưởng niệm Đức Phật A-di-đà, vì tưởng niệm như thế nên được thấy Phật.”

Sau khi được thấy Phật rồi, Bồ-tát Bạt-đà-hòa bèn đến thưa Đức Thế Tôn rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh phải hành trì những pháp gì để được sinh về nước của Đức Phật A-di-đà?”

Bấy giờ Đức Phật A-di-đà bảo Bồ-tát rằng: “Chúng sinh nào muốn sinh về nước ta thì phải luôn luôn trì niệm danh hiệu Ta, thường phải chuyên niệm danh hiệu Phật. Công đức đạt được so với các hạnh khác thì thù thắng hơn.”

Giải thích: Theo kinh này, chỉ một pháp niệm Phật cũng được vãng sinh.

11. Kinh Đại A-di-đà.

Kinh Đại A-di-đà nói: Phải giữ gìn trai giới một lòng thanh tịnh, đêm ngày thường tưởng niệm nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà, trì niệm như thế mười ngày, mười đêm không dứt, Ta đều thương xót khiến cho tất cả sinh về cõi Phật A-di-đà. Hoặc giả người đó chưa có thể vãng sinh, bấy giờ nên tự nghĩ suy cho kỹ, lo tính muốn độ thoát thân mình thì không thể dừng tưởng niệm. Phải từ bỏ ái dục, chớ nghĩ nhớ đến việc gia đình, không được chung giường với phụ nữ. Thân ngồi ngay thẳng, tâm đoạn ái dục, một lòng giữ trai giới thanh tịnh, chí tâm nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà. Nếu một ngày đêm người đó trì niệm không dứt thì lúc mạng chung sẽ được sinh về nước kia, được hóa sinh trong hoa sen ở ao thất bảo.

Giải thích: Theo kinh này, người nào có thể niệm Phật trì giới, không nằm chung giường với người nữ dù chỉ một ngày một đêm cũng được vãng sinh.

12. Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác.

Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác nói: Như có thiện nam, thiện nữ nào nghe ta nói về pháp môn Tịnh độ mà tâm sinh bi cảm vui mừng, tóc lông dựng đứng thì phải biết người này thân mạng nhiều kiếp trong quá khứ đã hành Phật đạo. Như có người khi nghe trình bày pháp môn Tịnh độ mà không phát khởi tín tâm thì phải biết người đó mới được tái sinh từ ba ác đạo, tội lỗi chưa hết, nên đối với pháp môn này không có tin theo; ta nói người này chưa có thể giải thoát được.

Giải thích: Theo kinh này, người nào nghe nói về pháp môn Tịnh độ liền sinh tâm tín mộ thì trong quá khứ, người này đều đã từng cúng dường chư Phật, nhờ nhân duyên kiếp trước mà trong đời hiện tại, người này chỉ niệm Phật mười niệm cũng được vãng sinh.

B. Dẫn Luận, có bảy bộ:**1. Vãng Sinh Luận.**

Như Vãng Sinh Luận nói: Như có thiện nam, thiện nữ nào tu hành pháp môn năm niệam thành tựu thì rốt cục cuối cùng được sinh về cõi nước An Lạc, được diện kiến Đức Phật A-di-đà. Năm niệam là những gì?

1. Lễ bái.
2. Tán thán.
3. Phát nguyện.
4. Quán sát.
5. Hồi hướng.

(Giải: Đây là Nhân môn).

Nên biết lại có năm loại môn thứ lớp dần dần thành tựu năm loại công đức.

- Năm môn là gì?

1. Cận môn.
2. Đại hội chúng môn.
3. Trạch môn.
4. Ốc môn.
5. Viên lâm du hý trì môn.

Trong năm loại môn, bốn loại môn đầu nói về việc thành tựu nhập công đức (tu tạo công đức), môn thứ năm nói về việc thành tựu xuất công đức (đem công đức tu tạo hồi hướng chúng sinh).

Môn thứ nhất lấy lễ bái Đức Phật A-di-đà làm nhân duyên vãng sinh nên được sinh về thế giới An Lạc, đó gọi là nhập Đệ nhất môn.

Môn thứ hai lấy việc tán thán Đức Phật A-di-đà, tùy thuận danh nghĩa mà xưng danh hiệu Như Lai, y theo đức tướng, trí tuệ quang minh của Như Lai mà tu hành nên được vào trong số lượng của hội chúng lớn; đó gọi là nhập Đệ nhị môn.

Môn thứ ba lấy nhất tâm chuyên niệam phát nguyện sinh về cõi kia, tu Xa ma tha, thực hành Tam-muội tịch tĩnh nên được nhập thế giới Liên hoa tạng, đó gọi là nhập Đệ tam môn.

Môn thứ tư lấy việc chuyên niệam quán sát sự vi diệu trang nghiêm của cõi kia, tu Tỳ-bà-xá-na nên được sinh về cõi kia, thọ dụng đủ các pháp lạc, đó gọi là nhập Đệ tứ môn.

Môn xuất thứ năm là dùng tâm đại từ bi quán sát tất cả khổ não của chúng sinh mà thị hiện ứng hóa thân, vào rừng phiến thảo, vườn sinh tử, dùng Du hý thần thông đến nơi giáo hóa đem sức bốn nguyện hồi

hưởng cho chúng sinh, đó gọi là môn xuất thứ năm.

Như thế, Bồ-tát tu bốn loại môn đầu thì hạnh tự lợi được thành tựu, hành môn thứ năm thì lợi ích cho chúng sinh, thành tựu hạnh nguyện hồi hướng. Nên biết Bồ-tát tu hạnh năm môn tự lợi, lợi tha như thế thì mau thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. (Giải thích: Đây là quả môn).

2. Khởi Tín luận.

Như Khởi Tín luận nói: Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này muốn cầu chánh tín nhưng trong lòng khiếp nhược, vì còn ở thế giới Sa-bà nên tự lo không thể thường gặp chư Phật, được đích thân vãng mệnh cúng dường; e sợ rằng tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn thoái lui. Nên biết Đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là lấy nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy theo sở nguyện được sinh về cõi Phật phương khác, thường thấy chư Phật, vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

Như Tu-đa-la nói: Như có người chuyên niệm Đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc phương Tây thì sẽ được vãng sinh, vì thường thấy Phật nên cuối cùng không có thoái lui. Nếu biết quán sát pháp thân chân như của Đức Phật kia, thường siêng tu tập thì cuối cùng sẽ được vãng sinh, trụ nơi Chánh định.

Giải thích: Theo luận này nếu người nào ở đây (Sa-bà) tu hành mà lòng tin không vững chãi thì dạy họ nương về Tây phương tu tập. Như vậy người đó đâu phải là Bồ-tát từ Thập giải trở lên?

3. Thập trụ Tỳ-bà-sa luận.

Như trong Thập trụ Tỳ-bà-sa luận Bồ-tát Long Thọ nói: Đối với Đức Di-đà Thế Tôn, hành giả phải tôn kính và tán thán Ngài bằng bài kệ này:

Đức Phật A-di-đà có bốn nguyện như vậy: Nếu người nào nhớ tưởng ta, xưng niệm danh hiệu ta và nguyện trở về nương tựa ta thì người đó sẽ được nhập định, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế chúng sinh thường phải nhớ niệm và xưng dương tán thán Ngài bằng bài kệ:

*Tuệ chói sáng Vô lượng
Thân như quả núi vàng
Con đem thân khẩu ý
Chấp tay con kính lạy
Sắc vàng chói sáng rực
Khắp các cõi chan hòa*

*Muôn vật thêm tươi tốt
Thế nên cuối đầu lạy
Nếu người lúc lâm chung
Được sinh về cõi kia
Liên đủ vô lượng đức
Thế nên con kính lạy
Người nào thường niệm Ngài
Được công đức vô lượng
Túc thời nhập bất thoái
Thế nên con thường niệm
Người cõi ấy mạng chung
Giá như phải chịu khổ
Vẫn không đọa địa ngục
Nên con kính lạy
Ai sinh về cõi ấy
Quyết không đọa ác thú
Và loài A-tu-la
Con nay cung kính lạy
Người, trời thân như nhau
Tựa như đỉnh núi vàng
Nơi trở về thù thắng
Vì thế con đánh lễ
Người sinh về cõi đó
Đủ thiên nhân nhĩ thông
Mười phương đều vô ngại
Kính lạy đấng Thánh vương
Các chúng sinh cõi đó
Thần biến thân tự tại
Đều đủ túc mạng trí
Thế nên quy mạng lễ
Người sinh về cõi ấy
Không ngã và ngã sở
Không còn tâm phân biệt
Thế nên cúi đầu lạy
Vượt khỏi ngục tam giới
Mình như lá hoa sen
Chúng Thanh văn vô lượng
Thế nên cúi đầu lạy*

Các chúng sinh cõi kia
Bốn tánh đều nhu hòa
Tự nhiên hành thập thiện
Kính lạy các Thánh vương
Từ thiện sinh trong sáng
Trong các cõi vô biên
Đáng phước trí bậc nhất
Thế nên con quy mạng
Nếu ai mong làm Phật
Lòng tưởng niệm Di-đà
Tức thì Ngài hiện thân
Thế nên con quy mạng
Bản nguyện lực của Phật
Chư Bồ-tát mười phương
Đến cúng dường Thánh pháp
Thế nên con kính lạy
Đại Bồ-tát cõi kia
Đầy đủ các tướng tốt
Đều tự trang nghiêm thân
Con nay quy mạng lễ
Đại Bồ-tát cõi kia
Mỗi ngày trong ba thời
Cúng dường mười phương Phật
Thế nên cúi đầu lạy
Nếu người trông thiện căn
Còn nghi hoa không nở
Lòng tín thành thanh tịnh
Hoa nở thấy Phật liền
Phật hiện tại mười phương
Dùng đủ các nhân duyên
Tán thán công đức Ngài
Con nay quy mạng lễ
Cõi kia thật trang nghiêm
Hơn cả các cung trời
Công đức rất sâu dày
Thế nên lạy chân Phật
Chân Phật nghìn bức luân
Sắc hoa sen dịu dàng

Người thấy đều hoan hỷ
Cúi đầu lạy chân Phật
Hào quang trắng giữa mây
Tựa như ánh trăng thanh
Rạng ngời trên sắc diện
Đầu mặt lạy chân Phật
Khi xưa cầu Phật đạo
Hành các hạnh diệu kỳ
Như các kinh đã nói
Cúi đầu kính lạy Ngài
Pháp mà Phật đã giảng
Phá trừ các tội căn
Tốt đẹp nhiều lợi ích
Con nay cúi đầu lạy
Nhờ chánh giáo nhiệm mầu
Cứu các bệnh ái nhiễm
Đã độ nay còn độ
Thế nên cúi đầu lạy
Quý nhất trong trời người
Chư thiên đầu mặt lạy
Ma-ni hơn các báu
Thế nên con quy mạng
Tất cả chúng Hiền Thánh
Và các chúng nhân thiên
Con xin cùng quy mạng
Thế nên con kính lạy
Thường cõi thuyền Bát chánh
Vượt qua biển não phiền
Độ mình và độ người
Con lễ Đấng Tự Tại
Chư Phật vô lượng kiếp
Tán dương không cùng tận
Công đức, cõi nước Ngài
Quy mạng Đấng Thanh Tịnh
Con nay cũng như thế
Xưng tán đức vô lượng
Nhờ phước nhân duyên này
Mong Phật thường đoái tưởng

Nguyện đem mọi phước đức
 Ít nhiều trong quá khứ
 Xin nguyện ở bên Phật
 Tâm thường được thanh tịnh
 Nhờ phước nhân duyên này
 Đạt được đức thượng diệu
 Nguyện muôn loài chúng sinh
 Đều sẽ được như thế.

Kệ tán thán hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí:

Quán Âm, Thế Chí đại danh xưng
 Công đức trí tuệ đều vô lượng
 Đầy đủ từ bi cứu Thế gian
 Đạo khắp tất cả biển chúng sinh
 Bạc Thánh như thế rất khó gặp
 Nhất tâm cung kính cúi đầu lạy
 Chúng sinh ngủ mãi trong tăm tối
 Nhờ đức Đại bi đánh thức họ
 Tùy duyên hiển hiện tướng sắc thân
 Cũng như cha lành thương con một
 Xin nguyện từ bi cứu độ con
 Nhất tâm cung kính bậc soi đường
 Nam-mô Quán Âm, Đại Thế Chí
 Thường vào thế gian không ngừng nghỉ
 Nguyện vào lục đạo cứu quần sinh
 Sắc thân tuyệt diệu như vàng tía
 Oai nghi đĩnh đạc chẳng ai bằng
 Bình báu, hóa Phật, trong thiên quan
 Nhất tâm cung kính bậc phương tiện
 Chấn động vô lượng cõi tam thiên
 Đứng đi thường có hoa nâng gót
 Thường đưa tay báu rước chúng sinh
 Nhất tâm cung kính Thích Vô Úy
 Vô lượng vô biên vô số kiếp
 Rộng tu nguyện lực giúp Di-đà
 Thường tuyên giáo pháp giữa đại chúng
 Chúng sinh nghe rồi liền sáng mắt
 Xin nguyện đời đời thương thân cận
 Nên con nhất tâm đầu mặt lạy

Thần thông biến khắp mười phương cõi
 Hiện thân ở trước mọi chúng sinh
 Chúng sinh nếu thường chí tâm niệm
 Thấy đều được dẫn về An Lạc
 Thương con! Đấng Từ phụ thế gian
 Xin nguyện nhất tâm cúi đầu lạy
 An tọa trên tòa sen siêu việt
 Như núi Tu-di soi biển cả
 Điều phục chúng sinh được vô úy
 Nhất tâm cung kính Nhân sư tử
 Con đã tùy thuận Tu-đa-la
 Tán thán Quán Âm công đức báu
 Công đức như thế không cùng tận
 tựa như biển cả chứa trăm sông
 Giả sử chư Phật khắp mười phương
 Tán thán cùng kiếp cũng không hết
 Như thế vô biên vô tận tợ
 Nên con nhất tâm cúi đầu lạy
 Tán thán Quán Âm, Đại Thế Chí
 Là khen Bồ-tát khắp mười phương
 Nguyện trải công đức khắp thế gian
 Con cùng chúng sinh về An Lạc.

Giải thích: Theo luận này, chỉ tán thán lễ bái Đức Phật A-di-đà cũng được vãng sinh.

4. Nhất thiết kinh trung Di-đà Phật kệ.

Như Nhất thiết kinh trong Di-đà Phật kệ nói:

Niệm Tỳ-kheo Pháp Tạng
 Là theo Thế nhiều vương
 Phát nguyện như chư Phật
 Thế hai mươi bốn điều
 Đời đời thấy chư Phật
 Vô số không thể lường
 Không chướng hạnh đời trước
 Công đức được thành tựu
 Cõi nước hiệu Thanh tịnh
 Thành Phật hiệu Vô lượng.

Và kệ:

Thế giới thật bằng phẳng

An Lạc nhiều thượng nhân
Cây báu vô số loại
Chen chút nhau la liệt
Gốc thân cành hoa lá
Hương tỏa diệu khác nhau
Gió mát ngày ba lần
Thoang thoảng đưa hương bay
Mặt đất như rải lông
Trên mặt trong bằng phẳng
Hoàn toàn không các núi
Không biển cả suối nguồn
Chỉ có dòng sông trôi
Âm thanh như thuyết pháp
Trời người vui trong nước
Theo ý mình mong muốn
Khiến nước chỉ ngang mày
Tùy tâm, nguyện thành tựu
Phật thọ mạng vô lượng
Quang minh chiếu vô biên
Bồ-tát và đệ tử
Không thể nào tính hết
Như muốn thấy Đức Phật
Chớ nghi cũng chớ mong
Còn nghi, ở trong thai
Trải qua năm trăm năm
Không nghi sinh dưới tòa
Chấp tay đứng trước Phật
Nếu muốn đến mười phương
Giây lát liền trở về
Duy niệm Bồ-tát kia
Nhiều kiếp tạo công đức
Do bản hạnh mà được
Danh hiệu Phật Thế Tôn
Phật ra đời khó gặp
Dù gặp không dễ nghe
Cõi giảng nói khó gặp
Thân đủ căn khó được
Đời mạt pháp sau này

*Lúc pháp sắp suy vì
 Phải cùng nhau ủng hộ
 Thực hành pháp vô dục
 Phật hay nói pháp này
 Thường suy nghĩ hành trì
 Thọ Pháp bảo vô lượng
 Đòi đòi kính tuân thủ
 Nên biết tất cả kinh
 Đều có văn kính lễ*

5. Bảo Tánh luận.

Như Bảo Tánh luận nói:

*Nhờ các công đức này
 Nguyện vào lúc mạng chung
 Được thấy Phật Di-đà
 Thân vô biên công đức
 Con và các tín giả
 Đã thấy Đức Phật rồi
 Nguyện lia mắt cầu ướ
 Chứng vô thượng Bồ-đề.*

6. Long Thọ thập nhị lễ.

Như ngài Tam tạng Thiên-na-quật-đa dịch văn tán thán Đức Phật A-di-đà của Bồ-tát Long Thọ, trong đó có mười hai bài tụng nói về việc lễ bái: chí tâm quy mạng lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

*Kính lạy đấng trời người cung kính
 Phật A-di-đà lưỡng Túc tôn
 Giáo chủ cõi An Lạc vi diệu
 Chúng đệ tử vô lượng vây quanh
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Thân kim sắc đẹp như núi chúa
 Hành chánh định như voi bước đi
 Hai mắt đẹp như hoa sen xanh
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Mặt hiền đầy đặn như vàng trắng
 Oai quang sáng tỏ nghìn nhật nguyệt
 Tiếng như trống trời Câu-sí-la*

Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Trong mũ Quán Âm đội trên đánh
 Đủ các tướng vi diệu trang nghiêm
 Hàng phục ngoại đạo, ma kiêu mạn
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Vô cấu thanh tịnh không đâu bằng
 Đức tướng trong sáng như hư không
 Làm việc lợi ích rất tụt tại
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Bồ-tát danh tiếng khắp mười phương
 Vô lượng quý chúng thường tán thán
 Vì các chúng sinh phát thệ nguyện
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Trong ao bảy báu hoa thường sinh
 Thành tựu tòa cao nhờ thiện căn
 Ngồi trên tòa sen như núi chúa
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Biết bao Phật tử khắp mười phương
 Hiện hiện thần thông đến An Lạc
 Chiêm ngưỡng tôn nhan thường cung kính
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc
 Các pháp vô thường và vô ngã
 Như trăng đáy nước, chớp, bóng, sương
 Vì chúng thuyết pháp không danh tự
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà
 Nguyện cùng các chúng sinh

Vãng sinh cõi An Lạc
 Nước Ngài vô lượng cảnh trí đẹp Không có ác
 đạo, ác tri thức Vãng sinh bất thoái đến Bồ-đề
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà Nguyên cùng các
 chúng sinh Vãng sinh cõi An Lạc
 Cõi Phật không có danh từ ác Cũng không người
 nữ và ác đạo Mọi người chí tâm kính Thế Tôn
 Nên con đánh lễ Phật Di-đà Nguyên cùng các
 chúng sinh Vãng sinh cõi An Lạc
 Con nay tán thán công Đức Phật Việc thiện vô
 biên như nước biển Căn lành thanh tịnh con có
 được
 Cúng dường chúng sinh sinh nước Phật Nguyên cùng các
 chúng sinh
 Vãng sinh cõi An Lạc.

7. Nhiếp Đại thừa luận.

Như Nhiếp Đại thừa luận nói:

Cõi Phật trang nghiêm rất nhiệm mầu Câu nghĩa con
 nói khiến sinh thiện Nương nhờ nguyện này thấy Di-đà
 Do được tịnh nhĩn thành Chánh giác.